

LƯỢC THUẬT HÀNG TRẠNG HÒA THƯỢNG QUẢNG KHÂM

Phiên Dịch
Ni Chúng Vĩnh Minh Tự Viện
Hiệu Đính
GS. Phạm Phú Thành
ĐD. Thích Giải Hiền

Hòa thượng sinh ngày 26 tháng 10, năm Quang Tự thứ 18, cuối đời nhà Thanh. Ngài là con gia đình họ Hoàng ở huyện Huệ An, tỉnh Phúc Kiến. Năm lên bốn tuổi, vì gia đình nghèo khó, anh của ngài không có tiền cưới vợ, cha mẹ đem Ngài bán cho một gia đình họ Lý ở ngoại thành phía Nam thuộc huyện Tấn Giang để làm con nuôi.

Cha nuôi Ngài tên Lý Thọ, mẹ nuôi tên Lâm Thái. Từ thuở nhỏ Ngài yếu đuối và nhiều bệnh tật, nhưng huệ căn đầy đủ, theo mẹ tin Phật, ăn chay.

Khi Ngài vừa lớn lên cha mẹ nuôi lần lượt qua đời để lại ruộng vườn, bà con rắp tâm chiếm đoạt. Ngài cảm nhận sâu sắc cuộc đời là vô thường, khởi tâm xuất gia, đem ruộng đất chia cho bà con, rồi đến xin vào tu trong chùa Thừa Thiên ở Tuyên Châu.

Vị trụ trì chùa Thừa Thiên là Hòa thượng *thượng* Chuyển hạ Trần bảo Ngài quy y tu khổ hạnh với Pháp sư *thượng* Thụy hạ Phương. Pháp sư giao Ngài làm các công việc bên ngoài như: nhổ cỏ, trồng rau ... Sau đó, do nhân duyên đặc biệt Ngài có đến Nam Dương (Indônêxia) ở nhiều năm. Khi trở về chùa Thừa Thiên Ngài đã 36 tuổi, lúc bấy giờ mới được Pháp sư *thượng* Thụy hạ Phương xuống tóc, đặt Pháp danh là Chiếu Kính, tự là Quảng Khâm.

Sau khi xuất gia, Ngài chuyên tâm tu khổ hạnh, ăn những món mà người khó ăn, làm những việc người khó làm, thường ngồi không nằm, nhất tâm niệm Phật. Năm 1933, Ngài đến chùa Từ Thọ Thiên Tự ở Nang Sơn, huyện

Bồ Điền yết kiến Hòa thượng Diệu Nghĩa để cầu giới, lúc ấy Ngài đã 42 tuổi. Sau khi thọ giới trở về, Ngài quyết chí tinh tấn ẩn tu. Được sự đồng ý của Hòa thượng *thượng* Chuyển hạ Trần, Ngài chỉ mang theo áo quần, vật dụng đơn sơ và hơn 10 cân gạo (một cân=600 gram) đến núi Thanh Nguyên phía Bắc thành Tuyên Châu, tìm một động đá giữa sườn núi làm chỗ trú thân, ở trong động toạ thiền niệm Phật. Khi lương thực mang theo cạn hết, Ngài ăn củ rễ cây và trái rừng cho đỡ đói. Trong núi có nhiều cọp và khỉ, lâu ngày người và thú sống với nhau không còn sợ sệt, lại có vượn khỉ dâng trái cây, cọp dữ đến quy y. Từ đó mỹ hiệu “Phục hổ sư” (Thầy hàng phục cọp) lan truyền khắp nơi.

Ngài thường nhập định có khi đến vài tháng không ăn, không cử động, thậm chí hơi thở cũng không còn. Mọi người lầm tưởng Ngài đã viên tịch, nhiều lần xin Hòa thượng trụ trì chuẩn bị hỏa táng Ngài.

Lúc bấy giờ Ngài Hoàng Nhất Đại Sư - Một vị cao tăng Luật tông - ở chùa Phổ Tuế huyện Vĩnh Xuân, nghe tin vội vàng đến chùa Thừa Thiên, rồi cùng với Đại lão Hòa thượng thượng Chuyển hạ Trần và vài người nữa lên núi xem xét, đến nơi mới biết Ngài còn ở trong định, mọi người vô cùng tán thán. Đại sư Hoàng Nhất búng ngón tay ba lần thỉnh Ngài xuất định.

Ngày tháng trôi mau, thấm thoát đã 13 năm. Vào năm ất dậu (1945), Ngài xuống núi trở về chùa Thừa Thiên; mùa thu năm sau Ngài đến Nam Phổ Đà - Hạ Môn, vào ở trong động đá nơi núi phía sau để ngày đêm lễ Phật. Năm Đinh Hợi (1947) Ngài 56 tuổi, ngày rằm tháng sáu, Ngài từ Hạ Môn sang Đài Loan, trưa ngày 16 cập bến Cơ Long.

Lúc đầu Ngài ở tạm trong các chùa Cực Lạc, Linh Tuyên, Tối Thắng, đầu tháng 7 dời sang động núi Chi Sơn ở Đài Bắc. Sau Trung Thu Ngài lại đến tạm trú một ngôi nhà trống xây theo kiểu Nhật Bản nằm giữa sườn núi bờ nam thuộc Điếu Kiều - Tân Điểm. Lúc bấy giờ Ngài cũng thường lui tới chùa Pháp Hoa – Đài Bắc, nơi đây Ngài đã siêu độ

hồn ma người Nhật. Mùa xuân năm Mậu Tý (1948) Ngài khoét một động đá nơi vách núi Quảng Minh (chùa Quảng Minh ngày nay). Đến năm Tân Mão (1951) Ngài tạc tượng Phật A Di Đà lớn trên vách đá phía bên phải động, mở đầu cho phong cách tạc tượng Phật trên đá, ở Đài Loan.

Tháng 11 cùng năm (1951), nghe nói có động cổ thiên nhiên trên núi Thành Phước nằm giữa Thổ Thành và Tam Hiệp, Ngài liền dẫn bốn đệ tử, bám dây rừng leo lên. Quả nhiên gặp một thạch động rất lớn, cao hơn hai trượng, rộng vài trượng, sau khoảng hai trượng. Ngài ở một mình trong động ngay đêm ấy. Động quay về hướng đông, mặt trời mặt trăng khi mới mọc đều chiếu sáng vào động, do vậy Ngài đặt tên là động Nhật Nguyệt. Trên đỉnh động có dòng suối, nước rất trong, uống vào thấy ngọt ngào, tinh thần sảng khoái.

Từ đó Ngài trở lại cuộc sống ẩn cư.

Tháng 5 năm sau (1952), Ngài cất thêm ba gian nhà ván, bên ngoài động thờ tượng Bồ Tát Địa Tạng. Ngài ở đó được 3 năm, đồng thời lại cất thêm một gian nhà tranh trên đỉnh động để đệ tử cùng tu. Tháng 2 năm 1953, Ngài lại lên đỉnh núi cất một am tranh nhỏ trước một tảng đá lớn để ở.

Tháng ba năm Ất Mùi (1955), Phật tử ở Bản Kiều mua vùng đất núi Hỏa Sơn ở Phổ Thành huyện Đài Bắc cúng cho Ngài. (Nay chính là chùa Thừa Thiên núi Thanh Nguyên, Thành Phố Thổ Thành, huyện Đài Bắc – Đài Loan)

Vùng đất này, trước kia vốn là rừng tre ít người lui tới. Ngài cùng đệ tử đốn tre làm giường, trải cỏ mịn lên trên để ngồi thiền. Ngài xây một gian nhà ngói để thờ Phật. Năm sau Ngài trở về chùa Quảng Chiếu ở Tân Điểm.

Cuối năm 1957 (năm Mậu Tuất), Ngài trở về Hỏa Sơn, năm sau (năm Kỷ Hợi) lại cất thêm vài gian nhà tranh. Đến tháng 4 năm 1960 (năm Canh Tý) mới xây dựng Đại Hùng Bảo Điện để nhớ về Tổ Đình (ở Trung Quốc) Ngài đặt tên là

Thừa Thiên Thiên Tự. Núi Hỏa Sơn thì gọi là núi Thanh Nguyên. Năm 1962 Ngài xây dựng Điện Tam Thánh.

Năm 1963 (năm Quý Mão), Ngài 72 tuổi, thể theo lời mời của Phật Tử, Ngài đến Thiên Tường – Hoa Liên ở vài tháng giúp xây chùa Tường Đức (nay là tháp Thiên Phong, tức là am tranh mà Ngài ngồi thiền xưa kia). Sau lại chấp nhận lời thỉnh cầu của những đệ tử ở miền trung thỉnh Ngài đến Nam Liên núi Long Tĩnh – Đài Trung sáng lập chùa Quảng Long. Năm 1964 (năm Giáp Thìn) Ngài trở về chùa Thừa Thiên ở Phổ Thành, cuối năm đó Ngài dựng cổng chùa, sửa lều tranh lại thành phượng trượng xây bằng bê-tông, kế tiếp vào tháng 9 năm 1965 xây trai đường và nhà trú ... Chùa Thừa Thiên, bước đầu kể như được hoàn tất.

Ban đầu chùa Thừa Thiên làm bằng gạch ngói, nhưng xây cất vội vàng cho xong, lâu ngày nền đất lún xuống, tường vách bị nứt nẻ, do vậy mà vào mùa xuân năm 1976 bắt đầu xây cất lại. Đầu tiên liêu phòng của chúng nữ trước điện Tam Thánh được xây lại thành lầu hai tầng bằng bê-tông cốt sắt. Mùa thu năm sau, mở núi ban đất, tháo dỡ các công trình xây dựng cũ: điện Tam Thánh, trại đường, nhà bếp, Đại Hùng Bảo Điện, liêu phòng chúng nam và phượng trượng. Mùa xuân năm 1978 bắt đầu kiến thiết Đại Điện mới. Năm 1963, đặt móng Lầu Đại Bi bên miền triền núi phải, hiện nay cấu trúc Lầu Đại Bi sắp hoàn thành.

Năm 1969 Ngài lại xây dựng chùa động Quảng Thừa ở bên phía sau nhà hành chính thị trấn Phổ Thành.

Năm 1978, tại nơi đây xây tháp Hoa Tạng, kế đến là Đại Hùng Bảo Điện, hai dãy thiền phòng, tầng hầm dưới mặt đất, tầng kinh các, điện La Hán, giảng đường, thiền phòng trên và dưới lần lượt được hoàn thành. Sau lợp lại Điện Địa Tạng hoàn thành mới như ngày nay. Công trình thi công kiến trúc chùa động Quảng Thừa do pháp sư Truyền Ân chủ trì.

Tháng 9 năm 1982, Ngài phái người đệ tử từng theo Ngài trên dưới 10 năm là pháp sư Truyền Văn đến thôn Bảo

Lai, hương Lục Quy - huyện Cao Hùng xây dựng chùa Diêu Thông, Niệm Phật đường, liêu phòng chúng nữ đều đã cất xong. “Linh sơn bảo tháp” sau này thờ linh cốt Ngài cũng đang bắt đầu thi công. Tháng 7 năm 1984 Ngài đến chùa này, sang tháng 10 năm 1985 mở Đại Giới Đàn, giới tử khắp nơi quy tụ về rất đông, trên mấy ngàn người; đồng thời Ngài mở Pháp Hội “Thủy Lục” phổ độ chúng sanh, trang nghiêm chưa từng thấy.

Ngài có nếp sống mộc mạc, bình dị, khiêm cung hòa ái, tuy đã gần trăm tuổi mà đi không dùng gậy, không cần người dìu đỡ, thân thể nhẹ nhàng rắn chắc. Ngài thường ngồi mà không nằm, có khi ngồi ngoài thớt, giữa trời hoặc dưới mái hiên. Từ năm 78 tuổi Ngài đổi dùng thức ăn lỏng.

Cuối năm 1985, Ngài lấy lý do, trong coi công việc xây lầu Đại Bi chùa Thừa Thiên nên Ngài muốn trở về Đài Bắc. Ngày 25 tháng 12 âm lịch, pháp sư Truyền Hối xuống miền Nam. Ngày 26 thỉnh Ngài về chùa Thừa Thiên. Các phật tử miền Bắc nghe tin, từng đoàn đến thăm viếng Ngài.

Sáng sớm mùng một tết, Ngài triệu tập các đệ tử có trọng trách ở các phân viện cùng đại chúng chùa Thừa Thiên đến để dặn dò cẩn thận, đồng thời nói về việc hỏa táng sau khi Ngài viên tịch: linh cốt sẽ chia làm ba phần, để tại các chùa Thừa Thiên, Chùa Diêu Thông và chùa động Quảng Thừa. Cơm sáng xong, Ngài tỏ ý muốn trở về chùa Diêu Thông, đại chúng thấy ý Ngài đã quyết không dám giữ lại, liền đò đưa Ngài về miền Nam.

Về đến chùa Diêu Thông, Ngài niệm Phật liên tục cả đêm lẫn ngày, có khi tự gõ mõ và dạy đệ tử cùng niệm. Đến ngày mùng 5, mắt Ngài trong sáng, định tĩnh an tường, không có vẻ gì khác lạ. Khoảng hai giờ chiều, bất chợt Ngài nói với đại chúng: “Không đến cũng không đi, chẳng có việc gì”. Ngài quay sang các đệ tử, gật đầu mỉm cười rồi an tọa nhắm mắt. Một lát sau mọi người thấy Ngài bất động, đến xem kỹ mới hay Ngài đã an lành viên tịch trong tiếng niệm Phật của đại chúng.

Cả một đời Ngài ẩn tu khổ hạnh, an bần lạc đạo, ý chí kiên cường, tâm hồn chất phác, trí huệ khai thông, cuối cùng Ngài đã giác ngộ hoàn toàn. Khi đến Đài Loan, Ngài rộng độ cả hai cõi âm dương, cảm thú quy phục, an vui với thiên, không dùng thức ăn nấu chín. Trải qua nửa đời người, Ngài là bậc mô phạm thể hiện công đức tu hành, thực hành đúng khuôn mẫu của những bậc tu khổ hạnh đầu đà, thật đáng tán tụng như các bậc Cổ Đức. Tiếc rằng chúng sinh phước mỏng nghiệp dày, chưa được hưởng những lời dạy dỗ của Ngài mà Ngài đã ra đi. Biết bao nhiêu người đốt hương khẩn nguyện cầu mong Ngài không xả ly bi nguyện, trở lại lèo lái thuyền từ, rộng độ quần mê, đưa chúng sanh sang bờ giải thoát, đồng thành tựu Chánh Giác.

Quảng Khâm Lão Hòa Thượng Viện Tịch Tán Tụng Ủy Viên Hội (Ban tang lễ, lễ tang Đại Lão Hòa Thượng thượng Quảng hạ Khâm)

Trung Hoa Dân Quốc năm 75, ngày 28 tháng 2

Hòa Thượng trụ trì chùa Thừa Thiên Thiền Tự từ tháng ba năm 1955 đến tháng bảy năm 1984 thì về ở tại chùa Diệu Thông tổng cộng hơn 30 năm. Mùa xuân năm 1984 chùa Diệu Thông bắt đầu được xây dựng, sau khi dự Pháp Hội Đại Bi tháng 2 âm lịch xong, Ngài liền về chùa Diệu Thông, trước khi đi Ngài cho biết cứ mỗi tháng vào dịp Pháp Hội Đại Bi Ngài sẽ trở về. Như thế là mỗi tháng Ngài đều chấn tích giữa hai miền Bắc Nam Đài Bắc và Cao Hùng. Đến kỳ Pháp Hội Đại Bi tháng năm, khi Ngài trở về gặp lúc miền Bắc Đài Loan bị nạn lụt "Ngày 03 tháng 6" rất lớn, đường lên chùa Thừa Thiên ngập nước đến hông, xe cộ không lưu thông được, tín chúng tham gia Pháp Hội Đại Bi chùa Thừa Thiên không về dự nữa. Tháng bảy âm lịch năm ấy, chùa Thừa Thiên lần đầu tổ chức Pháp Hội Địa Tạng, Ngài lại trở về núi

Thanh Nguyên, nhưng chưa kịp đợi đến ngày Pháp Hội hoàn mãn thì vào trung tuần tháng ấy Ngài lại phải trở về chùa Diêu Thông. Cho mãi đến tháng 10, nhân dịp Sinh nhật 93 tuổi của Ngài, Ngài lại trở về chùa Thừa Thiên dự lễ Chúc Thọ, trong tuần Phật thất chúc thọ Ngài tuyên bố với chúng đệ tử rằng năm tới điểm tổ chức truyền giới dời về chùa Diêu Thông.

(Phụ lục của ban biên tập).